TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:05/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 10 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2018/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ:Thôn Đoàn K, xã A Ma R, huyện I, tỉnh G.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân B, huyện Đ , tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thanh T với chị Nguyễn Thị Kim V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Lê Thanh T với chị Nguyễn Thị Kim V có 01 con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 02-3-2015. Ly hôn anh T và chị V thỏa thuận: Giao con Lê Nhật H, sinh ngày 02-3-2015 cho chị Nguyễn Thị Kim V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Lê Nhật H, sinh ngày 02-3-2015 mỗi tháng là: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 01/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh T và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đồng; anh Lê Thanh T phải nộp: 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Kim V phải nộp: 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng anh Lê Thanh T tự nguyện nộp thay cho chị Nguyễn Thị Kim V. Như vậy anh T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) .

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con là: 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Lê Thanh T phải nộp là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng cả án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là: 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002815 ngày 14-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh T đã nộp đủ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nói trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khỏan 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
-UBND xã Tân B-huyện Đ-tỉnh G;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Tiến S